

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOA LƯ
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 29- 03-2022.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** ông Vũ Quang Chung .
- **Hội thẩm nhân dân:** ông Nguyễn Văn Luận và ông Phạm Đức Thọ.

Thư ký phiên tòa: bà Giang Thị Mến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư tham gia phiên tòa: bà Vũ Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai, sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số: 99/2021/TLST - HNGĐ ngày 06/10/2021, về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXX-ST ngày 14/02/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 02/QĐST-HNGĐ ngày 02/03/2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** chị Đỗ Thị T sinh năm 1990.

Trú tại: thôn Í, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

***Bị đơn:** anh Bùi Trung Kiên sinh năm 1990.

Nơi ĐKNKTT: thôn Í, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Nơi ở hiện nay: thôn P, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Đỗ Thị T trình bày: Chị và anh Bùi Trung K được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Khang tháng 01/2011. Sau khi kết hôn anh chị có được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và về sống cùng với gia đình anh Kiên tại thôn P, xã N, huyện H. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh K mặc dù đã có vợ, con nhưng anh không tu trí làm ăn, đi làm anh đã không mang tiền về lo cho vợ con mà chơi lô đề, cờ bạc hết, thậm chí anh còn nợ nần, nhiều lần anh mang xe máy của anh, điện thoại của chị và cả sổ hộ khẩu đi cầm cố để lấy tiền trả nợ và chơi bời. Bản thân chị đã

hiều lần giúp anh trả nợ, chị khuyên bảo anh rất nhiều, chị nhờ đến cả mẹ chồng và gia đình khuyên bảo nhưng anh K không thay đổi, vẫn tính nào, tật ấy. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, tháng 5/2021, chị đã nộp đơn xin ly hôn nhưng anh K và gia đình hai bên đã họp, khuyên bảo để cho anh K cơ hội sửa chữa, chị đã rút đơn về cho anh cơ hội sửa chữa. Nhưng sau khi chị rút đơn về thì anh K không hề có thái độ, hành động sửa đổi, anh vẫn cờ bạc lô, đề nên vợ chồng vẫn thường xuyên cãi nhau, anh chị chung sống không còn hạnh phúc nữa. Trước khi quyết định xin ly hôn, chị đã nói chuyện với anh K, yêu cầu anh cùng chị lên Tòa án làm việc nhưng anh K cứ khất lần không lên. Sau khi Tòa án thụ lý đã thông báo, triệu anh K lên làm việc nhưng anh K không lên. Sau đó anh K nói anh đi làm nấu ăn cho một nhà hàng trên B (địa chỉ cụ thể anh không nói nên chị và gia đình không ai biết), do dịch Covid-19 khu vực anh ở bị phong tỏa anh chưa về được, nhưng cho đến nay anh cố tình không về Tòa án làm việc, nhằm gây khó khăn cho chị trong việc giải quyết ly hôn. Nay chị xác định tình cảm của chị đối với anh K không còn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư giải quyết cho chị ly hôn với anh Bùi Trung K.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung cháu lớn là Bùi Tuấn K sinh ngày 27/4/2011, hiện nay cháu đang sống cùng anh Kiên và mẹ đẻ anh K là bà Vũ Thị L, cháu thứ hai là Bùi Anh T sinh ngày 21/8/2016, hiện đang sống cùng chị tại thôn I, xã N, thành phố N. Khi ly hôn chị xin được nuôi cháu Bùi Anh T, anh K sẽ nuôi cháu Bùi Tuấn K vì anh K có nói với chị nếu ly hôn thì để cháu K cho anh nuôi, hơn nữa bản thân cháu K cũng có nguyện vọng được ở với anh K và bà nội.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh chị không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: anh Bùi Trung K mặc dù đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu giao nộp và cung cấp chứng cứ cũng như giấy triệu tập của Tòa án yêu cầu anh K lên Tòa án để làm việc, nhưng anh K không lên Tòa án làm việc và cũng không giao nộp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh, làm việc với mẹ đẻ anh Bùi Trung K và Tư pháp xã Ninh Khang ngày 07/01/2022.

- Bà Vũ Thị L - mẹ đẻ anh K cung cấp: Anh K và chị T kết hôn năm 2011 và sống với gia đình bà tại thôn Phấn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình cho đến nay. Anh chị chung sống hòa thuận được một thời gian sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh K chơi cờ bạc, nợ nần nên anh chị thường xuyên cãi nhau. Chị T đã từng làm đơn xin ly hôn, gia đình khuyên bảo, chị đã rút đơn về, nhưng sau đó anh K không sửa chữa, chị T đã bế con nhỏ về ngoại sinh sống. Khi chị T nộp đơn xin ly hôn lần 2 này thì anh K vẫn ở nhà, anh K đã nhận được thông báo thụ lý và giấy triệu tập của Tòa án nhưng vì sao anh K không lên Tòa án làm việc thì bà không biết. Vài tháng nay anh K nói anh đi làm nấu ăn cho nhà hàng trên B nhưng địa chỉ cụ thể anh K không nói nên bà cũng chỉ biết vậy.

Thời gian qua anh K có về nhà một hai ngày rồi lại đi luôn. Sau khi anh K đi thì những thông báo, giấy triệu tập Tòa án giao cho anh K bà đều thông báo cho anh K biết, anh K nói không về, bà có hỏi quan điểm việc chị Txin ly hôn và nuôi con thì anh nói, anh đồng ý ly hôn, còn về con anh muốn nuôi cả hai cháu, không được thì anh xin được nuôi một trong hai cháu. Bà có quan điểm nếu Tòa án giao cháu K cho anh K nuôi thì bà sẽ có trách nhiệm hỗ trợ anh K trông nom chăm sóc cháu khi anh K vắng nhà, từ khi chị T bỏ về nhà ngoại thì cháu K vẫn ở với bà. Từ trước đến nay khi chị T, anh K đi làm thì bà luôn là người trông và chăm sóc các cháu. Chị T, anh K từ khi kết hôn về sống với gia đình bà, không có tài sản nhà đất gì.

- Ông Vũ Hữu Hiếu - cán bộ tư pháp xã Ninh Khang cung cấp: chị Đỗ Thị T và anh Bùi Trung K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Khang ngày 21/01/ 2011 và chung sống với gia đình bà Vũ Thị L tại thôn P, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Chị T, anh K sau đó có chuyển hộ khẩu về xã Nt nhưng thực tế thì anh chị sống tại xã N. Anh K, chị T chung sống có phát sinh mâu thuẫn do anh K không tu trí làm ăn mà chơi bời lêu, đê cờ bạc, nợ nần nên chị T mới làm đơn xin ly hôn anh K. Thời gian gần đây chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn Í, xã N sinh sống. Anh K, chị T có hai con chung: một cháu sinh năm 2011 và một cháu 2016. Nay chị T xin ly hôn anh K đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 19, Điều 56; các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T. Cho Ly hôn giữa chị Đỗ Thị T và anh Bùi Trung K.

Về con chung: Giao cháu Bùi Tuấn K sinh ngày 27/4/2011 cho anh Bùi Trung K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Anh T sinh ngày 21/8/2016 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị T, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về án phí: chị Đỗ Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên toà Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]Về thủ tục tố tụng: chị Đỗ Thị T xin ly hôn anh Bùi Trung K, chỗ ở hiện nay: thôn P, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ đối với anh Bùi Trung K, song anh K không đến Tòa án để làm việc, không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Đồng thời, chị Đỗ Thị T đề nghị không tiến hành hòa giải nữa. Do đó, Tòa án xác định vụ án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Bùi Trung K theo quy định tại các Điều 207, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Trung K và chị Đỗ Thị T kết hôn là do anh chị tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Khang, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình ngày 21/01/ 2011, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Chị Đỗ Thị T và anh Bùi Trung K sau khi kết hôn, có thời gian chung sống hạnh phúc không dài(03 năm) đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh K không tu trí làm ăn mà ham mê lô, đề cò bạc dẫn đến nợ nần. Chị T và gia đình đã góp ý, khuyên bảo anh nhiều lần nhưng anh K vẫn không sửa chữa. Chính vì vậy, anh, chị thường xuyên cãi nhau và mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Tháng 5/2021, chị Thúy đã nộp đơn xin ly hôn nhưng sau khi gia đình hai bên khuyên bảo, chị đã rút đơn về đoàn tụ, nhưng bản thân anh K không thay đổi vẫn ham mê lô, đề cò bạc. Nay chị T tiếp tục nộp đơn xin ly hôn anh K và về sống với bố mẹ để ở thôn Í, xã N, anh chị sống ly thân từ tháng 10/2021, không còn quan tâm, quan hệ gì với nhau. Việc chị T, anh K sống chung nhưng thường xuyên mâu thuẫn và không có hạnh phúc như chị T trình bày là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tạo điều kiện về mặt thời gian để anh K, chị T có cơ hội gặp nhau hòa giải, nhưng bản thân anh K không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên hòa giải. Điều này chứng tỏ anh K không có thiện chí hòa giải, giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Việc anh K không lên Tòa án giải quyết chỉ nhằm gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Xét, mâu thuẫn giữa chị Đỗ Thị T và anh Bùi Trung K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị T về việc xin ly hôn anh Bùi Trng K là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 19 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh K, chị T có hai con chung là cháu Bùi Tuấn K sinh ngày 27/4/2011 và cháu Bùi Anh T sinh ngày 21/8/2016. Cháu K hiện đang sinh

sống cùng với anh K và bà nội và cháu có nguyện vọng ở cùng với bố. Bà Vũ Thị L là mẹ đẻ anh K có quan điểm sẽ có trách nhiệm hỗ trợ trông nom, chăm sóc cháu K khi anh K đi làm vắng nhà, chị T cũng nhất trí để anh K nuôi cháu K. Cháu T hiện đang sinh sống cùng mẹ. Để đảm bảo quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con sau ly hôn của cha, mẹ cũng như quyền lợi và nguyện vọng của các cháu, nên giao cháu Bùi Tuấn K sinh ngày 27/4/2011 cho anh Bùi Trung K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Anh T sinh ngày 21/8/2016 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế và pháp luật. Chị T, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản, công nợ chung: chị T xác định anh, chị không có tài sản công nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: chị Đỗ Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 các Điều 19, Điều 56; các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T.

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị T và anh Bùi Trung K.

2. Về con chung: giao cháu Bùi Tuấn K sinh ngày 27/4/2011 cho anh Bùi Trung K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; giao cháu Bùi Anh T sinh ngày 21/8/2016 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị T, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh Bùi Trung K, chị Đỗ Thị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi cần thiết chị T, anh K có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị T xác định anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002067 ngày 06/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoa Lư.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án(29/3/2022). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điểm 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Hoa Lư;
- UBND xã Ninh Khang;
- THADS huyện Hoa Lư;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Vũ Quang Chung.

